

**CTCP QLQ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE
LIGHTHOUSE FUND MANAGEMENT
JOINT STOCK COMPANY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Freedom – Happiness**

Số/No.: 46/2026/CBTT-LHC

V/v: CBTT Báo cáo tài chính Quý II/2026 &
Giải trình nguyên nhân biến động
lợi nhuận sau thuế Quý II/2026
Re: Information disclosure of QII/2026
Financial statements and Profit after tax
variance explanation

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE ELECTRONIC INFORMATION PORTAL
OF THE STATE SECURITIES COMMISSION**

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
To: STATE SECURITIES COMMISSION**

- Công ty: Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
Company name: Lighthouse Fund Management Joint Stock Company
- Trụ sở chính: Tầng 5, Số 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Xuân Hòa, TP. HCM
Head office: 5th Floor, No. 65 Pham Ngoc Thach, Xuan Hoa Ward, HCMC
- Điện thoại/ Telephone: (8428) 73017786
- Fax: (8428) 73022268
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thanh Thu
Person responsible for information disclosure: Nguyen Thanh Thu
- Chức vụ: Phó Bộ phận Kiểm soát nội bộ
Position: Deputy Head of Internal Control Department
- Địa chỉ: Tầng 5, Số 65 Phạm Ngọc Thạch, Phường Xuân Hòa, TP. HCM
Address: 5th Floor, No. 65 Pham Ngoc Thach, Xuan Hoa Ward, HCMC
- Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng)/ Telephone (mobile/office/home): (8428) 73017786
- Fax: (8428) 73022268

Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ
Type of Disclosure: ☐ 24 hours ☐ 72 hours ☐ Upon request ☐ Extraordinary ☒ Periodic

Nội dung thông tin công bố/ Content of information disclosure:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse công bố Báo cáo tài chính Quý II năm 2026 và Công văn giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế Quý II năm 2026 so với cùng kỳ năm trước.

Lighthouse Fund Management Joint Stock Company discloses the QII/2026 Financial Statements and the Official Letter explaining the causes of profit after tax variance in QII/2026 compared to the same period last year.

*Vui lòng xem thông tin chi tiết tại tài liệu đính kèm.
Please refer to the attached document for further details.*

Thông tin nêu trên đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn:
<https://lighthousecapital.com.vn/gioi-thieu#quan-he-co-dong>.

*The above information has been disclosed on the Company's official website at the following link:
<https://lighthousecapital.com.vn/gioi-thieu#quan-he-co-dong>.*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

We hereby certify that the disclosed information is true and accurate, and we shall take full legal responsibility for the contents of the information disclosed herein.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2026

Ho Chi Minh City, 15 July 2026

Người thực hiện công bố thông tin

Person responsible for information disclosure



Nguyễn Thanh Thơ

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE

Tầng 5, Số 65 Phạm Ngọc Thạch, P. Xuân Hòa, TP.HCM

MST: 0304772590

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2026

CTCP QUẢN LÝ QUỸ
ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 49/2026/CV-LHC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 07 năm 2026

V/v: Giải trình nguyên nhân biến động
lợi nhuận sau thuế Quý II năm 2026 so với
cùng kỳ năm trước

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

- Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
 - Căn cứ kết quả kinh doanh Quý II năm 2026 của Công ty được nêu trong Báo cáo tài chính Quý II năm 2026;
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse xin báo cáo và giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận như sau:

1. Biến động lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp Quý II năm 2026:

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	QUÝ II		TĂNG/GIẢM	TỶ LỆ
	Năm 2026	Năm 2025		
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	602.504.171	665.689.692	(63.185.521)	-9%
Chi phí hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	602.504.171	665.689.692	(63.185.521)	-9%
Doanh thu hoạt động tài chính	4.890.028.709	3.753.094.910	1.136.933.799	30%
Chi phí tài chính	67.372.923	(236.876.640)	304.249.563	128%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.025.684.494	2.653.698.437	371.986.057	14%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	2.399.475.463	2.001.962.805	397.512.658	20%
Lợi nhuận khác	3.178.108	0	3.178.108	100%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.402.653.571	2.001.962.805	400.690.766	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành				
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.402.653.571	2.001.962.805	400.690.766	20%

2. Nguyên nhân biến động lợi nhuận:

- Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh trong Quý II/2026 phát sinh giảm 63,18 triệu đồng (tương đương giảm 9%) so với cùng kỳ năm trước, nguyên nhân chủ yếu do giá trị tài sản ròng (NAV) của các quỹ quản lý sụt giảm dưới tác động tiêu cực của thị trường chứng khoán trong kỳ, dẫn đến doanh thu từ phí quản lý quỹ giảm tương ứng.

- Doanh thu hoạt động tài chính thực hiện trong Quý II/2026 tăng 1.136,93 triệu đồng (tương đương tăng 30%) so với cùng kỳ năm trước do Công ty thực hiện các giao dịch đầu tư chứng khoán ngắn hạn trong kỳ.

- Chi phí tài chính thực hiện trong Quý II/2026 tăng 304,25 triệu đồng (tương đương tăng 128%) so với cùng kỳ năm trước, do trong Quý II/2025 Công ty có hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp thực hiện trong Quý II/2026 tăng 371,98 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước, do phát sinh thêm các chi phí liên quan đến việc quản lý và vận hành Quỹ LHFCF mới được thành lập.

Từ các nguyên nhân trên, dẫn đến lợi nhuận sau thuế TNDN Quý II/2026 tiếp tục tăng 400,69 triệu (tương đương tăng 20%) so với cùng kỳ năm trước.

Trên đây là giải trình về biến động lợi nhuận trên Báo cáo tài chính Quý II năm 2026 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse. Công ty kính báo cáo để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước được biết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Công ty.

CTCP QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Lê Đình Quang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	31/12/2025
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		37.062.100.561	37.481.975.434
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	4.005.294.700	2.671.099.892
1. Tiền	111		4.005.294.700	1.671.099.892
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	32.714.086.978	34.394.770.038
1. Đầu tư ngắn hạn	121		32.714.086.978	34.600.433.364
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	205.663.326
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	202.888.628	235.703.856
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134		202.888.628	202.242.109
5. Các khoản phải thu khác	135		-	33.461.747
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		139.830.255	180.401.648
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		139.830.255	180.401.648
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+250+260)	200		2.956.432.095	2.973.573.655
II. Tài sản cố định	220	V.04	723.213.509	743.605.815
1. Tài sản cố định hữu hình	221		11.113.677	29.679.197
- Nguyên giá	222		297.746.500	297.746.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(286.632.823)	(268.067.303)
3. Tài sản cố định vô hình	227		712.099.832	713.926.618
- Nguyên giá	228		2.016.750.000	1.834.500.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.304.650.168)	(1.120.573.382)
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.05	2.233.218.586	2.229.967.840
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		145.598.586	142.347.840
3. Tài sản dài hạn khác	268		2.087.620.000	2.087.620.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		40.018.532.656	40.455.549.089

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	31/12/2025
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		425.286.534	890.249.767
I. Nợ ngắn hạn	310		425.286.534	890.249.767
2. Phải trả người bán	312	V.06	10.908.400	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.07	105.992.244	109.950.987
5. Phải trả người lao động	315	V.08	-	543.133.334
6. Chi phí phải trả	316		111.926.785	70.590.251
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.09	21.621.639	19.803.170
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		174.837.466	146.772.025
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	VII	39.593.246.122	39.565.299.322
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	414		4.460.240.006	4.432.293.206
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	415		133.006.116	133.006.116
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		40.018.532.656	40.455.549.089

TP.HCM, ngày 14 tháng 7 năm 2026

Người lập


KHUU KIM HUÊ

Kế toán trưởng


KHUU KIM HUÊ



Tổng giám đốc


NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG

Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, P. Xuân Hòa, Tp.HCM
MST: 0304772590

Mẫu số B01-CTQ
(Ban hành theo TT số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011
của Bộ Tài Chính)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	31/12/2025
1	2	3	4	5
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2		-	-
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		-	-
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006	V.02	24.786.560.000	24.221.370.000
Trong đó:			-	-
6.1. Chứng khoán giao dịch	007		24.786.560.000	24.221.370.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	008		-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố	009		-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ	010		-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	011		-	-
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	012		-	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	013			
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	014		-	-
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	015		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	020		-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030		-	-
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		-	-
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		-	-
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040		-	-
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041	V.10		-
9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042			
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	V.11	-	-
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051		-	-

TP.HCM, ngày 14 tháng 7 năm 2026

Người lập

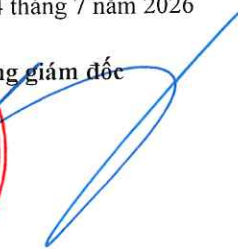

KHUU KIM HUÊ

Kế toán trưởng


KHUU KIM HUÊ



Tổng giám đốc


NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG

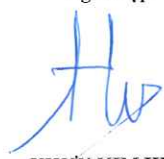
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2026

Đơn vị tính: VND

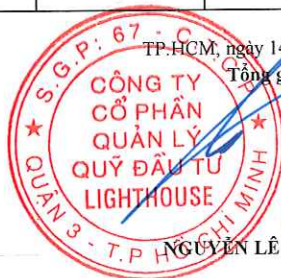
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu	01	VI.1	602.504.171	665.689.692	1.291.576.751	1.315.127.790
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10 = 01 - 02)	10		602.504.171	665.689.692	1.291.576.751	1.315.127.790
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	VI.2	-		-	
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20 = 10 - 11)	20		602.504.171	665.689.692	1.291.576.751	1.315.127.790
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.890.028.709	3.753.094.910	4.955.455.956	5.662.767.843
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	67.372.923	(236.876.640)	(106.287.460)	117.006.245
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	3.025.684.494	2.653.698.437	6.300.872.009	5.731.004.975
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 25}	30		2.399.475.463	2.001.962.805	52.448.158	1.129.884.413
10. Thu nhập khác	31	VI.6	3.644.042	5.152.088	4.030.017	10.466.174
11. Chi phí khác	32	VI.7	465.934	5.152.088	465.934	10.466.174
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.178.108	-	3.564.083	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.402.653.571	2.001.962.805	56.012.241	1.129.884.413
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8				
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		2.402.653.571	2.001.962.805	56.012.241	1.129.884.413
18. Lãi trên cổ phiếu (*)	70		686	572	16	323

Người lập


KHUU KIM HUÊ

Kế toán trưởng


KHUU KIM HUÊ



TP.HCM, ngày 14, tháng 7 năm 2026

Tổng giám đốc

NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG

Công ty CP Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse
Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, P. Xuân Hòa, Tp.HCM
MST: 0304772590

Mẫu số B03 - CTQ
(Ban hành theo TT số 125 /2011 /TT-BTC
ngày 05 /09/ 2011 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý II năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.290.930.232	1.338.184.233
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(1.780.870.447)	(1.878.371.590)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.596.259.274)	(3.039.575.753)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(17.320.910)	(133.998.554)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		360.409.450	305.403.073
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(1.582.129.475)	(1.554.411.034)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.325.240.424)	(4.962.769.625)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(182.250.000)	(30.000.000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6.096.000.000)	(7.438.840.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		12.932.640.000	12.904.990.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.045.232	2.693.099
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.659.435.232	5.438.843.099
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		1.334.194.808	476.073.474
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		2.671.099.892	6.505.251.491
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quý đối ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		4.005.294.700	6.981.324.965

TP.HCM, ngày 14 tháng 7 năm 2026

Người lập


KHUU KIM HUÊ

Kế toán trưởng


KHUU KIM HUÊ



Tổng giám đốc

NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Quý II năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số cuối kỳ	
	Quý II/2025	Quý II/2026	Quý II/2025		Quý II/2026		Quý II/2025	Quý II/2026
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	35.000.000.000	35.000.000.000					35.000.000.000	35.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần								
3. Vốn khác của chủ sở hữu								
4. Cổ phiếu quỹ (*)								
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản								
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái								
7. Quỹ đầu tư phát triển								
8. Quỹ dự phòng tài chính								
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	133.006.116	133.006.116					133.006.116	133.006.116
10. Lợi nhuận chưa phân phối	3.318.917.498	2.085.651.876	2.286.623.408	(511.120.641)	2.402.653.571	(28.065.441)	5.094.420.265	4.460.240.006
TỔNG CỘNG	38.451.923.614	37.218.657.992	2.286.623.408	(511.120.641)	2.402.653.571	(28.065.441)	40.227.426.381	39.593.246.122

Người lập

Kế toán trưởng

TP.HCM, ngày 14 tháng 7 năm 2026

Tổng Giám đốc



KHUU KIM HUÊ

KHUU KIM HUÊ

NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Lighthouse tiền thân là Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Phương Đông. Công ty hoạt động theo Giấy phép số 14/UBCK-GPHĐQLQ ngày 28/12/2006, các Giấy phép điều chỉnh tại từng thời điểm, Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 71/GPĐC-UCK ngày 14/09/2023 do Chủ tịch Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304772590 điều chỉnh lần thứ 12 ngày 28/09/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Tên giao dịch :	CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ LIGHTHOUSE
Tên tiếng Anh :	Lighthouse Fund Management Joint Stock Company
Trụ sở chính :	Tầng 5, 65 Phạm Ngọc Thạch, P. Xuân Hòa, Tp.Hồ Chí Minh
Vốn điều lệ :	35.000.000.000 đồng. (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ đồng)
Nghịệp vụ kinh doanh :	+ Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán + Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán + Tư vấn đầu Tư chứng khoán

Người đại diện pháp luật: Nguyễn Lê Đình Quang - Tổng Giám đốc

Tổng số công nhân viên 16 người

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong quý I năm 2026 doanh thu chủ yếu là lãi đầu tư tài chính (lãi từ việc đầu tư chứng khoán) và doanh thu từ nghiệp vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán LHBF, LHCF, LHCF.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán theo thông tư 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về Chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các văn bản, thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung, thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài chính đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 - Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

- Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2 - Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2026

- Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

- Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ (hữu hình, vô hình, thuê tài chính)

- Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Tài sản cố định hữu hình	Số năm
Máy móc và thiết bị	3 ~ 5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 ~ 7
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 ~ 5

Tài sản cố định vô hình	Số năm
TSCĐ vô hình khác	1 ~ 5

3 - Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

4 - Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước.

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong khoản thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

5 - Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả và trích trước

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

6 - Các quỹ dự trữ bắt buộc.

Theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 2 Thông tư số 114/2021/TT-BTC ngày 17/12/2021 của Bộ Tài chính về việc hủy trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghề nghiệp và quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ theo thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

7 - Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2026

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

8 - Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

10 - Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

- Các khoản mục không có số dư: Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 và thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài Chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2026

Đvt: VND

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/06/2026	31/12/2025
a. Tiền	4.005.294.700	1.671.099.892
- Tiền mặt	42.264.338	13.537.795
- Tiền gửi ngân hàng:	612.536.523	842.193.616
+ Ngân hàng BIDV - CN NKKN	592.516.441	540.182.012
+ Ngân hàng BIDV - CN NKKN - TK	-	-
+ Ngân hàng BIDV - CN NKKN - TK thanh toán	547.005.582	514.562.709
+ Ngân hàng BIDV - CN NKKN - TK cà thẻ	45.510.859	25.619.303
+ Ngân hàng PGB	12.846.085	17.220.321
+ Ngân hàng Nam Á - Chi nhánh Hàm Nghi	7.173.997	284.791.283
- Tiền tại tài khoản chứng khoán mở tại Công ty Chứng khoán:	3.350.493.839	815.368.481
+ Chứng khoán Bảo Minh - TK086C898680	3.350.493.839	815.368.481
b. Các khoản tương đương tiền	-	1.000.000.000
Cộng	4.005.294.700	2.671.099.892
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	30/06/2026	31/12/2025
a. Chứng khoán kinh doanh	Số lượng Nguyên giá	Số lượng Nguyên giá
- Cổ phiếu	2.478.656 32.714.086.978	2.422.137 34.600.433.364
Mã DBD	198.637 9.855.125.361	252.737 12.539.228.926
Mã DCF	198.525 6.009.800.876	177.255 6.009.800.876
Mã NAB	2.081.494 16.849.160.741	1.992.145 16.051.403.562
b. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	- -	- -
c. Chứng khoán chờ đến ngày đáo hạn	- -	- -
Cộng	2.478.656 32.714.086.978	2.422.137 34.600.433.364
d. Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư	30/06/2026 Phát sinh giảm	Phát sinh tăng 31/12/2025
Chứng khoán kinh doanh	32.714.086.978 7.982.346.386	6.096.000.000 34.600.433.364
+ Cổ phiếu	32.714.086.978 7.982.346.386	6.096.000.000 34.600.433.364
Cộng	32.714.086.978 7.982.346.386	6.096.000.000 34.600.433.364
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	30/06/2026	31/12/2025
Phải thu khách hàng	-	-
a. Phải thu khách hàng	-	-
- Thu tiền bán chứng khoán	-	-
b. Trả trước cho người bán	-	-
c. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	202.888.628	202.242.109
- Quỹ LHB	87.341.680	115.560.486
- Quỹ LHCF	73.045.676	86.681.623
- Quỹ LHFCF	42.501.272	-
d. Các khoản phải thu khác	-	33.461.747
- Phải thu quỹ mở LHB	-	19.727.208
- Phải thu quỹ mở LHCF	-	3.734.539
- Phải thu quỹ mở LHFCF	-	10.000.000
Cộng	202.888.628	235.703.856

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Quý II năm 2026

4. Tăng, giảm tài sản cố định

a. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

		Máy móc, thiết bị văn phòng	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	01/01/2026	155.870.000	141.876.500	-	297.746.500
Mua sắm mới					-
Thanh lý, nhượng bán					-
Số dư cuối kỳ	30/06/2026	155.870.000	141.876.500	-	297.746.500
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	01/01/2026	151.492.128	116.575.175	-	268.067.303
Khấu hao trong kỳ		4.377.872	14.187.648		18.565.520
Giảm trong kỳ					-
Số dư cuối kỳ	30/06/2026	155.870.000	130.762.823	-	286.632.823
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày	01/01/2026	4.377.872	25.301.325	-	29.679.197
2. Tại ngày	30/06/2026	-	11.113.677	-	11.113.677

b. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

		Phần mềm máy vi tính	Tài sản vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu năm	01/01/26	1.834.500.000		1.834.500.000
Mua sắm mới		182.250.000		182.250.000
Thanh lý, nhượng bán		-		-
Số dư cuối kỳ	30/06/26	2.016.750.000	-	2.016.750.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	01/01/26	1.120.573.382		1.120.573.382
Khấu hao trong kỳ		184.076.786		184.076.786
Giảm trong kỳ		-		-
Số dư cuối kỳ	30/06/26	1.304.650.168	-	1.304.650.168
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày	01/01/26	713.926.618	-	713.926.618
2. Tại ngày	30/06/26	712.099.832	-	712.099.832

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2026

5. Tài sản dài hạn khác	30/06/2026	31/12/2025
a. Chi phí trả trước dài hạn	145.598.586	142.347.840
- Chi phí trả trước dài hạn thiết bị văn phòng	94.272.258	83.147.965
- Chi phí trả trước dịch vụ CNTT	5.894.290	-
- Chi phí trả trước sử dụng tên miền lighthousecapital	466.657	-
- Chi phí trả trước khác	44.965.381	59.199.875
b. Tài sản dài hạn khác:	2.087.620.000	2.087.620.000
- Cty Cổ phần đầu tư SB Space 65 - Đặt cọc thuê văn phòng	187.200.000	187.200.000
- Cty TNHH TM và Tiếp Vận Đại Dương Xanh	1.900.000.000	1.900.000.000
- Khác	420.000	420.000
Cộng	2.233.218.586	2.229.967.840
	-	-
6. Phải trả người bán	30/06/2026	31/12/2025
- Công Ty CP Navigos Group Việt Nam	7.862.400	
- Khác	3.046.000	
Cộng	10.908.400	-
	-	-
7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30/06/2026	31/12/2025
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	17.320.910
- Thuế thu nhập cá nhân	105.992.244	92.630.077
Cộng	105.992.244	109.950.987
	-	-
8. Phải trả người lao động	30/06/2026	31/12/2025
- Phải trả người lao động		543.133.334
Cộng	-	543.133.334
	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/06/2026	31/12/2025
- Kinh phí công đoàn	21.621.639	19.803.170
- Khác	-	-
Cộng	21.621.639	19.803.170
	-	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Quý II/2026	Quý II/2025
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh		
- Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	-	90.265.623
- Doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán	602.504.171	575.424.069
Cộng	602.504.171	665.689.692
	-	-
2. Chi phí hoạt động kinh doanh	Quý II/2026	Quý II/2025
- CP hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán	-	-
Cộng	-	-
	-	-
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý II/2026	Quý II/2025
- Lãi từ hoạt động đầu tư	4.889.528.263	3.299.724.014
- Lãi từ cổ tức được chia		452.274.000
- Lãi tiền gửi không kỳ hạn	500.446	1.096.896
Cộng	4.890.028.709	3.753.094.910
)	-	-
4. Chi phí tài chính	Quý II/2026	Quý II/2025
- Lỗ từ hoạt động mua bán chứng khoán	117.110	16.500.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư	-	(312.354.687)
- Phí mua bán chứng khoán và chi phí khác	67.255.813	58.978.047
Cộng	67.372.923	(236.876.640)
	-	-
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý II/2026	Quý II/2025
- Chi phí nhân viên	1.812.688.234	1.634.005.001
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.061.984	106.618.008
- Chi phí thuê văn phòng	296.145.576	265.208.900
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	16.053.465	15.620.439
- Chi phí thuế, phí, lệ phí	75.620.123	69.884.475
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	615.638.745	477.901.634
- Chi phí bằng tiền khác	112.476.367	84.459.980
Cộng	3.025.684.494	2.653.698.437

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý II năm 2026

6. Thu nhập khác

- Thu nhập khác (Thu hộ phí lưu ký của khách hàng).
- Thu nhập khác

Cộng

Quý II/2026	Quý II/2025
-	5.152.088
3.644.042	-
3.644.042	5.152.088

7. Chi phí khác

- Chi phí khác (Chi hộ phí lưu ký của khách hàng).

Cộng

Quý II/2026	Quý II/2025
465.934	5.152.088
465.934	5.152.088

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Ông Nguyễn Công Hiệp
- Cổ đông khác

Cộng

Quý II/2026	Quý II/2025
14.077.000.000	14.077.000.000
20.923.000.000	20.923.000.000
35.000.000.000	35.000.000.000

b. Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành

Số lượng cổ phiếu đã phát hành

- Cổ phiếu phổ thông

- Cổ phiếu ưu đãi

Số lượng cổ phiếu được mua lại

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

- Cổ phiếu phổ thông

- Cổ phiếu ưu đãi

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000 VND

Quý II/2026	Quý II/2025
3.500.000	3.500.000
3.500.000	3.500.000
3.500.000	3.500.000
-	-
-	-
3.500.000	3.500.000
3.500.000	3.500.000
-	-

Người lập



KHUU KIM HUÊ

Kế toán trưởng



KHUU KIM HUÊ

TP.HCM, ngày 14 tháng 7 năm 2026

Tổng giám đốc



NGUYỄN LÊ ĐÌNH QUANG